

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/DS-PT  
Ngày: 04-7-2018  
V/v tranh chấp: “Tranh chấp  
Hợp đồng mua bán hàng hóa,  
bồi thường thiệt hại do vi  
phạm hợp đồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Hoàng Vũ  
Các Thẩm phán : Bà Trần Thị Thúy Hà  
: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 6, ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2018/TLPT-DS ngày 26/02/2018 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa, bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2017/QĐDS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thanh B , sinh năm 1995

Địa chỉ cư trú: khu vực Q , phường T , quận N , thành phố C .

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh B có bà Lê Ngọc A , sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: Nguyễn Văn C , phường A , quận N , thành phố C . (có mặt)

- Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hữu N , sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp K , xã H , huyện C, tỉnh An Giang.

2.2. Bà Nguyễn Ngọc L , sinh năm 1955 (chết)

**Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Ngọc L, gồm:**

2.3. Ông Nguyễn Hữu N , sinh năm 1953

2.4. Ông Nguyễn Nguyên N , sinh năm 1975

Cùng địa chỉ cư trú: ấp K , xã H , huyện C , tỉnh An Giang.

2.5. Bà Nguyễn Nguyên Phương, sinh năm 1979

Địa chỉ cư trú: khóm C , phường B, thành phố Đ , tỉnh An Giang.

2.6. Bà Nguyễn Nguyên P1, sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: phường B, thành phố C , tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N , bà P , bà P1 có ông Lê Văn T , sinh năm 1946, Địa chỉ cư trú: phường C , thành phố Đ , tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2018) (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1946 (vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị M , sinh năm 1950 (vắng mặt)

3.3. Ông Nguyễn Minh T , sinh năm 1973 (vắng mặt)

3.4. Bà Nguyễn Thị D , sinh năm 1974 (vắng mặt)

3.5. Bà Mai Thị Bích N , sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: phường T , quận N , thành phố C.

3.6. Chi cục thủy sản A

Trụ sở: phường M , thành phố L , tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.7. Công ty TNHH B

Trụ sở: khu vực Q , phường T , quận N , thành phố C. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu N và các ông bà Nguyễn Nguyên N , Nguyễn Nguyên P , Nguyễn Nguyên P1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm

**Trong đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:** Nguyên vào tháng 3 năm 2016, ông có bán thức ăn chuyên dùng cho cá da trơn (thức ăn thủy sản để nuôi cá) cho ông Nguyễn Hữu N . Theo đó, ông N đã mua của ông tổng cộng 195 tấn 180kg với giá 10.150đ/kg, thành tiền 1.981.000.000 đồng; ông N trả trước số tiền 300.000.000đồng và cam kết khi bán cá xong sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn lại vào tháng 7 năm 2016. Nhưng sau khi thu hoạch cá xong thì ông N không trả.

Ngày 17/9/2016, ông N viết giấy xác nhận nợ và hứa đến ngày 30/9/2016 sẽ thanh toán dứt số tiền còn nợ lại. Nhưng đến hạn ông N chỉ trả thêm số tiền 600.000.000đồng. Cụ thể: Ngày 30/9/2016 trả 200.000.000 đồng; ngày 15/10/2016

số tiền 100.000.000 đồng và ngày 07/10/2016 số tiền 200.000.000 đồng, sau đó thanh toán thêm 100.000.000 đồng và nói rằng không trả nữa. Ông N cho rằng phải giảm giá cho ông 70% thì ông mới trả số tiền còn lại. Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu tòa án buộc ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Ngọc L cùng liên đới trách nhiệm trả số tiền 1.081.000.000 đồng (*Một tỷ tám mươi triệu đồng*) và lãi chậm trả phát sinh từ ngày 24/10/2016 cho đến khi tòa xét xử sơ thẩm.

**Bị đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày:** Giữa ông với ông B có ký hợp đồng đầu tư thức ăn, nhưng thực chất là mua bán thức ăn cho cá da trơn (cá tra), ông thừa nhận vào ngày 17/9/2016, ông đã ký xác nhận công nợ tiền mua thức ăn cho cá da trơn của ông B và hẹn đến ngày 30/9/2016 sẽ trả dứt nợ, sau khi ký xác nhận nợ thì ông có trả nhiều lần đến khoảng tháng 10/2016 thì ông không tiếp tục trả và hiện còn nợ số tiền 1.081.000.000 đồng (*Một tỷ tám mươi một triệu đồng*) như ông B trình bày là đúng. Lý do, ông N cho rằng không tiếp tục trả là do ông Bình cung cấp thức ăn không đúng theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết như giao thức ăn trễ hạn, lượng đậm không giống trên bao bì, thức ăn không thuộc danh mục được phép lưu hành nên thời gian nuôi cá bị kéo dài làm mất sản lượng cá trên 70 tấn. Do đó, ông yêu cầu ông Bình phải có trách nhiệm bồi thường số tiền là 1.380.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng*), trong đó cá mất sản lượng 73.448 kg x 18.200đ/kg; tiền nhân công 02 tháng 6.000.000đồng/người và tiền điện 02 tháng là 14.000.000đồng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà M, bà D, bà Bích N, ông T cùng trình bày:** Việc ông B làm ăn, giao dịch như thế nào với ông N các ông, bà không biết, việc ông B đứng tên hộ kinh doanh là do thủ tục Nhà nước, nên việc giao dịch là do ông B tự quyết định; các ông, bà không có ý kiến.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thủy sản A trình bày:** Sản phẩm thức ăn BV-260 của Công ty TNHH B đạt chất lượng so với công bố trên bao bì và không phát hiện chất cấm; Đối với sản phẩm “GD-ALGAE” của Công ty TNHH MTV SX-TM Gia Đạt đoàn kiểm tra xác minh không có tên trong danh mục được phép lưu hành và chuyển hồ sơ cho Thanh tra sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn xử lý vi phạm hành chính đối với công ty.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B trình bày:** Công ty có bán thức ăn cho ông B, còn việc ông B trao đổi mua bán với ông N như thế nào thì không liên quan đến Công ty, nên công ty cũng không có ý kiến.

#### **Những người làm chứng, cụ thể:**

**Ông Nguyễn Đình T trình bày:** Ông là người làm công cho ông N tại nơi chăn nuôi cá, lương 3.000.000đ một tháng. Ông N không cho cá ăn có lần từ bốn đến năm ngày, có lần từ bảy đến tám ngày với lý do là không có thức ăn nhưng ông

N không mua thức ăn cho cá ăn, ông N chỉ mua thức ăn nơi khác khi trong khoảng thời gian một tháng đến khi bán cá.

**Ông Trần Văn T trình bày:** Ông là người giới thiệu ông N mua thức ăn của ông B. Ông N có điện thoại cho ông phản nản về việc ông B giao thức ăn trễ nhưng không nhớ rõ bao nhiêu lần, ông có kêu ông N mua thức ăn nơi khác nhưng ông N nói không có tiền nên không mua. Việc thức ăn chứa thành phần đạm thô cao hơn bao bì là tốt cho cá chứ không làm giảm trọng lượng cá.

**Ông Nguyễn Văn T trình bày:** Ông là người làm công cho ông N tại nơi chăn nuôi cá, giữ kho và cho cá ăn, ông không biết việc thỏa thuận mua bán thức ăn của ông N với ông B. Tuy nhiên, cũng có một hai lần không cho ăn do không có thức ăn, mỗi lần khoản năm đến sáu ngày.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 228/2017/QĐDS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc ông N và các đồng thừa kế của bà L (N, Nguyễn N, P, P1) cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông B số tiền là 1.206.277.534đ (*Một tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn*) đồng. Trong đó, 1.081.000.000 (*Một tỷ tám mươi một triệu*) đồng và lãi suất chậm trả là 125.277.534đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn*) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, ông Nguyễn Hữu N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, ông không đồng ý với quyết định của bản án và yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét miễn án phí dân sự; Bác yêu cầu tính lãi của nguyên đơn vì do lỗi hoàn toàn của nguyên đơn; Do nguyên đơn vi phạm thời hạn giao hàng, cũng như số lượng hàng hóa mỗi lần giao nên ảnh hưởng đến chất lượng cá, do đó yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 ông Nguyễn Nguyên N, bà Nguyễn Nguyên P, bà Nguyễn Nguyên P1 cùng có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm vi phạm về tố tụng và đường lối xét xử buộc các ông bà cùng có trách nhiệm với ông N để trả nợ cho ông B là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Ngọc A đại diện cho nguyên đơn ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn ông Nguyễn Hữu N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày:

- Ông Nguyễn Hữu N trình bày: đây là hợp đồng đầu tư thức ăn chứ không phải hợp đồng mua bán. Hợp đồng này vô hiệu do thức ăn không được phép lưu hành. Ông B cung cấp thức ăn không đúng hạn dẫn đến thiệt hại, buộc ông B phải bồi thường cho ông số tiền 1.380.000.000 đồng.

- Ông Lê Văn T đại diện cho ông Nguyễn N , bà P , bà P1 trình bày: yêu cầu hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì việc tổng đạt thông báo đưa người tham gia tố tụng, cấp sơ thẩm đã tổng đạt cho ông N là không phù hợp vì thời điểm đó ông N chưa phải là người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Nguyễn N , P , P1. Cấp sơ thẩm chưa điều tra Nguyễn N , P , P1 có nhận được tài sản gì của bà L hay không mà buộc họ liên đới với ông N cùng có trách nhiệm trả nợ là không đúng.

- Bà Lê Ngọc A không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu N , vì trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông N cũng xác định đây là hợp đồng mua bán và việc ông N cho rằng giao thức ăn trễ, không đủ số lượng làm ảnh hưởng đến chất lượng của cá là không đúng, vì để cá đạt được sản lượng như mong muốn thì phải phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Ngoài ra bà cũng không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của các ông bà Nguyễn N , P , P1. Nếu các ông bà này không biết được việc Tòa án đã đưa họ vô tham gia tố tụng tố với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bà L thì làm sao họ có thể ủy quyền cho ông N . Cấp sơ thẩm đã làm đúng thủ tục.

Tại phiên tòa, các đương sự tranh luận:

- Ông Nguyễn Hữu N tranh luận: đây là hợp đồng đầu tư chứ không phải hợp đồng mua bán, hợp đồng này bị vô hiệu do giao thức ăn không được phép lưu hành, ông bị thiệt hại số tiền 1.380.000.000 đồng nên việc ông B tính lãi trên số tiền còn nợ là không đúng, yêu cầu bồi thường thiệt hại cho ông. Ông có kinh nghiệm nuôi cá, nên dựa vào kinh nghiệm ông khẳng định thiệt hại của ông là do phía ông B gây ra từ việc ông B cung cấp thức ăn trễ, không đủ số lượng làm mất sản lượng cá. Không có lần nào ông nhận là 3,2 tấn. Đây chỉ là số lượng còn lại, sau khi cho cá ăn còn tồn kho.

- Ông Lê Văn T tranh luận: án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, các ông bà Nguyễn N , P , P1 có đủ năng lực hành vi dân sự, việc tổng đạt phải trực tiếp đến người cần tổng đạt và phải có ký nhận của đương sự. Cấp sơ thẩm chưa điều tra phân di sản của bà L mà đã buộc họ có nghĩa vụ trả nợ là không đúng theo Điều 615 của Bộ luật dân sự. Đề nghị hủy án sơ thẩm.

- Bà Lê Ngọc A tranh luận: cấp sơ thẩm xử là đúng, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Bị đơn xác định đây là hợp đồng đầu tư là không đúng với bản chất hợp đồng trong vụ án này. Ông N phải chứng minh được thiệt hại của mình trên số tiền thiệt hại mà ông N đã kê ra và yêu cầu. Ông B không giao thiếu thức ăn và vi phạm hợp đồng như ông N đã trình bày. Trong quá trình giao thức ăn cho ông

N , mặc dù có giao một số lượng thức ăn chưa được phép lưu hành, thì phía Cty cũng đã bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng chất lượng của sản phẩm vẫn đảm bảo, ông N cho rằng loại thức ăn này gây thiệt hại đến sản lượng cá của ông là không hợp lý. Ngoài ra, các đương sự cũng nên biết rằng việc tổng đạt là mục đích để biết, và những người này cũng đã biết và đã thực hiện việc ủy quyền cho ông N . Đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Nguyễn Hữu N , ông Nguyễn Nguyên N , bà Nguyễn Nguyên P , bà Nguyễn Nguyên P1 là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Ông N thỏa thuận trả nợ nhưng không trả đúng hạn nên ông N phải chịu trách nhiệm trả nợ và phải trả lãi cho việc chậm trả. Nợ này là nợ chung của vợ chồng ông N bà L . bà L chết nên các ông bà Nguyễn N , P , P1 chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi di sản của bà L , cấp sơ thẩm buộc Nguyễn N , P , P1 trả nợ là chưa đúng, kháng cáo của họ có cơ sở xem xét. Về chất lượng thức ăn, dù thức ăn này chưa được phép lưu hành nhưng đây chỉ là thủ tục hành chính nên vấn đề thiệt hại của ông N không phải từ ông B . Về yêu cầu miễn án phí, tại cấp sơ thẩm đã xem xét và miễn. Đề nghị Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông N , chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn N , bà P , bà P1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Sửa án sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn N , bà P , bà P1 phải liên đới trả cho ông B , trong đó Nguyễn N , P , P1 chỉ liên đới trong phạm vi di sản của bà L .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu N , thấy: ông N cho rằng ông B giao hàng không đúng hạn và không đúng số lượng dẫn đến ông bị thiệt hại về sản lượng cá khi thu hoạch. Ông B không đồng ý với yêu cầu của phía ông N , ngoài lời trình bày ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông B vi phạm hợp đồng được xác lập vào ngày 10/3/2016 giữa các bên do ông B đã giao hàng không đúng hạn và không đúng khối lượng và thiệt hại của ông thực tế là do việc vi phạm hợp đồng của phía ông B gây ra. Mặc khác, sau khi ông đã bán cá ông vẫn ký xác nhận công nợ và hẹn thanh toán cho ông B theo số lượng hàng đã nhận mà không đề cập đến việc ông bị thiệt hại. Sau đó ông đã thanh toán cho ông B một phần, phần còn lại thì không tiếp tục thanh toán mà cho rằng có thiệt hại. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố đòi bồi thường thiệt hại của ông là có cơ sở.

[2] Do ông đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên lập ngày 17/9/2016 nên cấp sơ thẩm buộc ông phải thanh toán số nợ và tính lãi kể từ ngày 24/10/2016 đến ngày 21/12/2017 là có căn cứ. Do đó, việc ông kháng cáo yêu cầu không tính lãi là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Việc ông cho rằng đây là hợp đồng đầu tư mà không phải là hợp đồng mua bán. Xét các điều khoản các bên thỏa thuận trong hợp đồng ngày 10/3/2016 thể hiện đây là việc bên ông B cung cấp hàng hóa là thức ăn cho cá cho phía ông N với giá cả, số lượng và thời hạn thanh toán cụ thể nên thỏa mãn bản chất của hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định của pháp luật và các bên đã xác định nghĩa vụ thanh toán, thời hạn thanh toán còn lại vào ngày 17/9/2016.

[4] Tuy nhiên, trong số lượng hàng hóa là thức ăn cho cá, các bên thống nhất tại Tòa là ông B giao cho ông N đến 3 nhãn hiệu thức ăn của các công ty khác nhau là công ty C, công ty B, công ty Bi. Trong đó, thức ăn của công ty Bi là chưa được đưa vào danh mục thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Ông B cho rằng ông chỉ mới giao cho ông N 3200kg thức ăn của công ty BI, phía ông N thì cho rằng nhiều hơn. Tuy nhiên, ông N không chứng minh được khối lượng thức ăn do công ty Bi sản xuất là bao nhiêu tấn. Thức ăn cho cá được giao ông N đã sử dụng cho cá ăn hết, chỉ còn 3200kg đã bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ và tịch thu tiêu hủy cho nên chấp nhận số lượng thức ăn Bi sản xuất mà ông B đã giao cho ông N là 3200kg.

[5] Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/2/2010 của Chính Phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực thức ăn, trong đó có hành vi: *“Sản xuất, kinh doanh và sử dụng các loại thức ăn chăn nuôi không có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc có trong danh mục cấm sản xuất và lưu hành ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành”*. Do đó, việc ông B bán cho ông N thức ăn của công ty B không nằm trong danh mục là vi phạm điều cấm của pháp luật nên bị vô hiệu, số lượng 3200kg này đã bị cơ quan có thẩm quyền tịch thu tiêu hủy nhưng cấp sơ thẩm chưa trừ số tiền này ra mà buộc ông N thanh toán cho ông B giá trị của khối lượng này là không đúng, cần phải trừ khối lượng này ra cho ông N, thành tiền là  $3200\text{kg} \times 10.150\text{đ/kg} = 32.480.000\text{đ}$ , nên số nợ còn phải trả cho ông B là  $1.081.000.000\text{đ} - 32.480.000\text{đ} = 1.048.520.000\text{đ}$ .

[6] Theo đó, việc tính lãi sẽ trên cơ sở số nợ gốc chưa thanh toán là 1.048.520.000đ. Tuy nhiên, hợp đồng giữa các được sự được xác lập và thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, cấp sơ thẩm áp dụng quy định về tính lãi của Bộ luật dân sự năm 2015 là không chính xác, cần điều chỉnh lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005. Tại thời điểm ngày 30/9/2016 (ngày thỏa thuận thanh toán), lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định là 9%/năm (QĐ 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng

Nhà nước). Do đó, số tiền lãi ông N phải thanh toán cho ông B là:  $1.048.520.000đ \times 9\%/365 \text{ ngày} \times 436 \text{ ngày}$  (từ ngày 24/10/2016 đến ngày 21/12/2017) = 112.723.000đ. Tổng số tiền vốn và lãi là  $1.048.520.000đ + 112.723.000đ = 1.161.243.000đ$ .

[7] Xét kháng cáo của các ông bà Nguyễn N , P , P1 liên quan đến trách nhiệm trả nợ. Thấy rằng, cấp sơ thẩm xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông N , bà L là có cơ sở. Quá trình tố tụng thì bà L chết, nên những người thừa kế của bà L là ông N , Nguyễn N , P , P1 phải chịu trách nhiệm thanh toán số nợ này chỉ trong phạm vi di sản do bà L để lại theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm buộc trách nhiệm liên đới của những người thừa kế của bà L là không chính xác, do đó kháng cáo của ông Nguyễn N , bà P , bà P1 là có cơ sở chấp nhận. Cần sửa án sơ thẩm về nội dung này như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Cụ thể, ông N và các ông bà Nguyễn N , P , P1 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông B số tiền 1.161.243.000đ (trong đó Nguyễn N , P , P1 chỉ liên đới chịu trách nhiệm trong phạm vi sử dụng di sản của bà L để lại để thực hiện nghĩa vụ).

[8] Về kháng cáo của các ông bà Nguyễn N, P , P1 cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục vì không tổng đạt thông báo đưa người tham gia tố tụng trực tiếp cho các ông bà mà lại qua ông N nên cần phải hủy án. Thấy rằng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự. Tuy nhiên, trong trường hợp này việc tổng đạt nhằm mục đích để đương sự biết và thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, các ông bà Nguyễn N , P , P1 đã biết được tư cách tham gia tố tụng của mình và đã có ủy quyền cho ông N đại diện và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nên quyền và nghĩa vụ tố tụng của các ông bà cũng đã được đảm bảo nên việc các ông bà kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông N có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm đã được cấp sơ thẩm chấp nhận, tại phiên tòa phúc thẩm ông N với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L cũng xin miễn án phí cho bà L , xét thấy bà L trên 60 tuổi (lúc chết) nên cũng thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự. Nên cấp phúc thẩm chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L .

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm, do sửa án sơ thẩm nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 228/2017/QĐDS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh An Giang. Cụ thể như sau:

- Buộc ông Nguyễn Hữu N và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Ngọc L là ông Nguyễn Nguyên N , bà Nguyễn Nguyên P , bà Nguyễn Nguyên P1 phải liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền là 1.161.243.000đ (*Một tỷ một trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng*). Trong đó, các ông bà Nguyên N , P , P1 chỉ có trách nhiệm liên đới trong phạm vi sử dụng di sản của bà L để lại để thực hiện nghĩa vụ.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hữu N về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh B bồi thường thiệt hại cho ông.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Thanh B 22.215.000đ theo biên lai thu số TU/2015/009419 ngày 24/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C .

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu, hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho mỗi người 300.000đ cho các ông bà Nguyên N , P , P1 theo các biên lai thu số 0002259, 0002260, 0002261 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1)
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- Lưu: hồ sơ.

**Trần Hoàng Vũ**